

CHẤT LƯỢNG TÍN DỤNG HỘ SẢN XUẤT TẠI NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN VIỆT NAM

ThS. NGUYỄN VĂN THANH - Bộ Tài chính

Nằm trong xu hướng cạnh tranh chung cũng như thực hiện chiến lược khách hàng, chiến lược kinh doanh của mình, trong những năm qua, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam (Agribank) đã không ngừng thực hiện nhiều giải pháp mở rộng tín dụng an toàn, hiệu quả đối với hộ sản xuất. Quy mô cho vay bình quân một hộ sản xuất ngày càng được nâng lên, quy trình và thủ tục tín dụng đối với lực lượng khách hàng cũng không ngừng được cải thiện, phù hợp với thực tế hơn, tỷ lệ nợ xấu qua đó được kiểm chế.

• Từ khóa: Ngân hàng, tín dụng, hộ sản xuất, rủi ro tín dụng, Agribank.

Các giải pháp quản lý chất lượng tín dụng hộ sản xuất của Agribank

Trong 6 năm qua, tính từ năm 2009 đến năm 2014, dư nợ cho vay hộ sản xuất của Agribank tăng trưởng bình quân đạt trên 12%/năm, cao gấp 1,5 – 2 lần tốc độ tăng trưởng dư nợ chung. Tỷ lệ nợ xấu thường xuyên không vượt quá 2% so với tỷ lệ nợ xấu chung của ngân hàng là trên 3%. Thành quả trên có được là do Agribank đã và đang nỗ lực triển khai đồng bộ các giải pháp quản lý chất lượng tín dụng hộ sản xuất:

Phòng ngừa rủi ro tín dụng hộ sản xuất

Để phòng ngừa rủi ro tín dụng hộ sản xuất, hàng năm Agribank đều có định hướng chiến lược lĩnh vực đầu tư vốn tín dụng cho từng vùng miền dựa trên cơ sở dự báo diễn biến kinh tế vĩ mô, diễn biến thị trường trong và ngoài nước cũng như đặc điểm kinh tế - xã hội của từng vùng miền. Từng chi nhánh Agribank cũng đưa ra các định hướng vốn tín dụng hộ sản xuất hàng năm phù hợp với thực tiễn địa phương.

Nằm trong nội dung quản lý chất lượng tín dụng hộ sản xuất, Agribank ban hành tương đối đầy đủ các chính sách, quy trình, quy định nội bộ về tín dụng hộ sản xuất, về chấm điểm và phân loại khách hàng hộ sản xuất... Tại các chi nhánh Agribank đều thành lập Hội đồng tín dụng, thực hiện đúng chức năng của Hội đồng theo quy định.

Agribank thực hiện mô hình quản lý rủi ro phân tán tín dụng hộ sản xuất, bởi vì món vay nhỏ, bình

quân dưới 100 triệu đồng/hộ, số lượng hợp đồng tín dụng lớn, đặc thù các vùng miền khác nhau và thực tiễn không ai hiểu hộ sản xuất bằng chính lãnh đạo và cán bộ thuộc vùng miền cho vay. Theo đó, quyền phán quyết cho vay hộ sản xuất được giao cho giám đốc chi nhánh huyện, thị xã, khu vực và phòng giao dịch.

Về cơ chế đảm bảo tiền vay, năm 2009 và đầu năm 2010, Agribank thực hiện theo các quy định tại Quyết định 67/2009/QĐ-TTg và từ giữa năm 2010 thực hiện theo Nghị định 41/2010/NĐ-CP về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn. Theo đó, hộ sản xuất không phải thế chấp tài sản mà chỉ có xác nhận của chính quyền địa phương về quyền sử dụng đất lâu năm, không có tranh chấp và được vay theo hạn mức quy định cụ thể trong từ thời kỳ, còn ngoài hạn mức thì phải thực hiện theo cơ chế bảo đảm tiền vay bình thường.

Xử lý rủi ro tín dụng hộ sản xuất

Agribank thực hiện việc điều chỉnh kỳ hạn nợ, giảm lãi suất cho vay, gia hạn nợ... cho các hộ sản xuất ở các vùng miền bị thiên tai, hay các hộ sản xuất bị rủi ro bất khả kháng: ốm, tai nạn... Việc hạch toán được thực hiện tại chi nhánh huyện, thị xã.

Trong toàn hệ thống Agribank thực hiện phân loại nợ tín dụng hộ sản xuất theo quy định tại Quyết định 493/2005/QĐ-NHNN và từ năm 2014 là Thông tư 02/2013/TT-NHNN. Theo đó, dư nợ tín dụng hộ sản xuất cũng được phân thành 5 loại. Tuy nhiên, tại hội sở chính Agribank chỉ tổng hợp, theo dõi và báo cáo việc phân loại nợ chung, không có số liệu



cụ thể của hoạt động tín dụng hộ sản xuất là số liệu này được tổng hợp và theo dõi tại chi nhánh tỉnh, thành phố. Do đó, bài viết không có điều kiện thu thập đầy đủ số liệu của tất cả hơn 200 chi nhánh cấp 1 của Agribank.

Về xử lý rủi ro tín dụng hộ sản xuất, ngay tại cơ sở, tức là ngay tại phòng giao dịch và chi nhánh Agribank huyện, thị xã, khi phát sinh nợ quá hạn, phát sinh nợ xấu đã được thực hiện theo đúng quy trình, thực hiện đúng các bước. Khi tìm tất cả các biện pháp và thực hiện đầy đủ các biện pháp mà không có hiệu quả thì mới chuyển sang nợ xấu, tiếp đó là xử lý rủi ro và đưa ra theo dõi ngoại bảng.

Về trích lập dự phòng rủi ro tín dụng hộ sản xuất, trong toàn hệ thống Agribank thực hiện việc trích lập dự phòng rủi ro chung và dự phòng rủi ro cụ thể theo đúng quy định hiện hành của NHNN. Theo đó, kết quả trích lập dự phòng rủi ro tín dụng hộ sản xuất trong giai đoạn 2009-2014 của Agribank được thể hiện ở bảng 1.

Quy mô trích lập dự phòng rủi ro tín dụng hộ sản xuất của Agribank tăng cao qua các năm, năm 2014 tăng gấp 1,5 lần năm 2009 và không tăng tương ứng với quy mô nợ xấu, bởi vì, quy mô nợ xấu năm 2014 tăng gấp 1,8 lần năm 2009. Nguyên nhân của việc không tăng tương ứng này chủ yếu là do cơ cấu các nhóm nợ có thay đổi, tỷ trọng nợ nhóm 5 giảm. Hàng năm Agribank cũng thực hiện việc sử dụng quỹ dự phòng rủi ro để xử lý rủi ro các khoản nợ xấu và đưa ra theo dõi ngoại bảng. Việc sử dụng quỹ dự phòng để xử lý rủi ro được thực hiện theo đúng quy định, theo đó, sau khi được Hội sở chính phê duyệt, các chi nhánh mới được hạch toán.

Thực hiện chiến lược tín dụng hộ sản xuất

Trong những năm gần đây, để tăng cường quản lý chất lượng tín dụng trong toàn hệ thống, Agribank xác định gắn bó với đối tượng khách hàng truyền thống là hộ sản xuất, tăng tỷ trọng cho vay đối tượng khách hàng này, chuyển hướng mạnh sang cho vay nông nghiệp - nông thôn mà hộ sản xuất là lực lượng chủ yếu. Đây là nền tảng đảm

bảo chất lượng tín dụng nói chung của hệ thống Agribank. Số liệu diễn biến trong cả giai đoạn 2009 - 2014 của Agribank cho thấy rõ xu hướng diễn biến cho vay hộ sản xuất.

Hàng năm, dư nợ cho vay hộ sản xuất chiếm khoảng 50% so với tổng dư nợ cho vay của Agribank và có xu hướng tăng lên, đỉnh cao là năm 2014 tăng gần 56% và năm 2013 lên tới trên 56%. Điều đó cho thấy, cho vay hộ sản xuất có vai trò rất quan trọng của Agribank.

Dư nợ cho vay của Agribank bằng VND đến hết năm 2014 là 338.632 tỷ đồng, toàn bộ bằng nội tệ. Trước đó, đến hết năm 2013 là 298.578 tỷ đồng VND và dư nợ cho vay bằng vàng và ngoại tệ (quy đổi) là 72 tỷ đồng. Do đặc thù kinh tế hộ sản xuất và theo quy định về cho vay ngoại tệ của NHNN, tín dụng hộ sản xuất của Agribank được thực hiện chủ yếu bằng tiền tệ.

Trong các năm 2009 - 2012, quy mô nợ xấu cho vay hộ sản xuất của Agribank không ngừng tăng lên nhưng có xu hướng giảm trong các năm 2013-2014. Đến hết năm 2014, dư nợ cho vay hộ sản xuất đạt 338.632 tỷ đồng, nợ xấu là 4.840 tỷ đồng, chiếm tỷ lệ 1,43%, giảm nhẹ so với tỷ lệ 1,51% của năm 2013.

Phương thức ủy thác qua tổ vay vốn của các tổ chức đoàn thể

Đến hết năm 2014, tỷ lệ nợ xấu cho vay thông qua các tổ của các đoàn thể (Hội Nông dân, Hội Phụ nữ...) của Agribank bình quân là 1,19%. Tốc độ tăng trưởng dư nợ cho vay qua tổ của các năm 2013 -2014 chậm hơn các năm 2009 - 2012, bởi về cơ bản hộ dân đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đây là một điều kiện cần để hộ dân có thể thế chấp tài sản vay với lượng vốn lớn hơn, đáp ứng nhu cầu sản xuất kinh doanh trên địa bàn nông thôn. Bên cạnh đó, hoạt động của tổ vay vốn đơn điệu, không có hoạt động lồng ghép như khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư, hay các hoạt động chuyển giao kinh nghiệm, do vậy, không khuyến khích, thu hút được các hộ dân tham gia tổ vay vốn.

BẢNG 1: TRÍCH LẬP VÀ XỬ LÝ DỰ PHÒNG RỦI RO TÍN DỤNG HỘ SẢN XUẤT CỦA AGRIBANK GIAI ĐOẠN 2009 - 2014 (% , TỶ ĐỒNG)

Chỉ tiêu	2009	2010	2011	2012	2013	2014
Dư nợ tín dụng hộ sản xuất	182.945	201.203	211.964	245.481	298.650	338.632
Nợ xấu tín dụng hộ sản xuất	2.726	3.179	3.412	3.789	4.510	4.842
Tỷ lệ nợ xấu cho vay hộ sản xuất	1,49%	1,58%	1,61%	1,54%	1,51%	1,43%
Trích lập dự phòng rủi ro tín dụng hộ sản xuất (*)	3.056	3.261	4.142	4.462	4.536	4.689
Sử dụng quỹ dự phòng để xử lý rủi ro tín dụng hộ sản xuất (*)	348	385	503	569	595	618

(*) Tổng hợp của tác giả từ Báo cáo nội bộ của Ban tài chính kế toán Agribank các năm 2009-2014.

Nguồn: Agribank (2009-2014)

**BẢNG 2: DƯ NỢ CHO VAY HỘ SẢN XUẤT SO VỚI TỔNG DƯ NỢ CỦA AGRIBANK GIAI ĐOẠN 2009 - 2014 (TỶ ĐỒNG, %)**

Chỉ tiêu	2009	2010	2011	2012	2013	2014
Tổng dư nợ	354.112	414.755	443.476	480.452	530.600	605.324
Dư nợ cho vay hộ sản xuất và cá nhân	182.945	201.203	211.964	245.481	298.650	338.632
Tỷ lệ cho vay hộ sản xuất so với tổng dư nợ	51,66%	45,34%	47,79%	51,09%	56,23%	55,94%

Nguồn: Agribank (2009-2014)

Chất lượng tín dụng hộ sản xuất của Agribank

Về thu lãi và lợi nhuận tín dụng hộ sản xuất

Thu lãi cho vay là một chỉ tiêu đánh giá chất lượng tín dụng hộ sản xuất. Nếu như tỷ lệ nợ xấu thấp, tỷ lệ thu lãi cho vay đạt không cao thì rõ ràng hiệu quả, chất lượng tín dụng không đảm bảo, tiềm ẩn rủi ro tín dụng trong ngắn hạn.

Tỷ lệ thu lãi tín dụng hộ sản xuất của Agribank không ngừng tăng lên qua các năm, tỷ lệ lãi chưa thu được ngày càng giảm. Tỷ lệ thu lãi thu được từ mức 97,9% năm 2009 tăng lên 97,6% năm 2013 và 98,2% năm 2014. Trong các năm 2010 – 2012 tỷ lệ lãi tín dụng hộ sản xuất chưa thu được cao gấp 1,7 đến 2,6 lần tỷ lệ nợ xấu. Thực trạng này phản ánh tính khách quan của nền kinh tế giai đoạn này: Lãi suất cho vay nói chung và cho vay hộ sản xuất nói riêng tăng cao; tiêu thụ nông sản phẩm khó khăn, sức cầu của nền kinh tế yếu. Tuy nhiên, 2 năm gần đây tỷ lệ này đã phần nào được cải thiện.

Về lợi nhuận tín dụng hộ sản xuất, Agribank không hạch toán cũng như không tính toán được chỉ tiêu này, vì nhiều chi phí về trụ sở, cán bộ, phương tiện làm việc, các chi phí hành chính khác không tách riêng được và cũng không phân bổ được. Nghiên cứu của tác giả cũng do nguyên nhân nói trên nên không tính toán chính xác tương đối được.

Tuy nhiên, về mặt định tính, có thể tham khảo nguồn thu từ tín dụng hộ sản xuất của Agribank qua các năm dựa trên quy mô số lãi thực thu cho thấy, tỷ lệ thu lãi đều đạt trên 97%, nợ xấu luôn thấp hơn dưới 2%, quy mô thu lãi tăng trưởng cao gần tương ứng với tăng trưởng dư nợ. Đồng thời, chênh lệch lãi suất đầu ra tín dụng hộ sản xuất và lãi suất đầu vào vốn huy động bình quân của Agribank là từ 2,55% - 2,96%/năm đối với nội tệ. Điều này cho thấy, hàng năm tín dụng hộ sản xuất đem lại nguồn thu nhập lớn và không ngừng tăng lên cho Agribank.

Thực trạng dư nợ cho vay bình quân 1 hộ sản xuất

Hàng năm số lượng hộ sản xuất được vay vốn của Agribank không ngừng tăng lên, song do dư nợ cho vay tăng cao hơn nên tính bình quân dư nợ 1

hộ sản xuất cũng tăng lên, từ mức 63,1 triệu đồng/hộ năm 2009 tăng lên 90,1 triệu đồng/hộ năm 2014, tức tăng gấp gần 1,5 lần. Thực trạng này bởi do ba nguyên nhân sau: Do nhu cầu vốn tín dụng của hộ sản xuất tăng cao; do thực hiện quy định mới của Chính phủ về chính sách tín dụng nông nghiệp – nông thôn và do khả năng đáp ứng của Agribank.

Thực trạng tín dụng trung dài hạn hộ sản xuất

Tỷ lệ vốn cho vay trung và dài hạn phản ánh khả năng của Agribank đáp ứng nhu cầu đầu tư chiều sâu, đầu tư thâm canh, đầu tư ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật và đầu tư mở rộng quy mô, nâng cao chất lượng sản phẩm dịch vụ của hộ sản xuất.

Xem xét về cơ cấu dư nợ tín dụng hộ sản xuất của Agribank theo thời hạn cho vay cho thấy: Đến hết năm 2014, tỷ lệ cho vay ngắn hạn chiếm 65,1% và trung dài hạn chiếm 34,9%. Trước đó, dư nợ ngắn hạn đến hết năm 2013 là 198.589 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 66,5% tổng dư nợ hộ sản xuất và cá nhân, tăng 30.667 tỷ đồng với tỷ lệ tăng 18,3% so với hết năm 2012. Dư nợ trung, dài hạn đến hết năm 2013 là 100.048 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 33,5% tổng dư nợ hộ sản xuất và cá nhân....

Hàng năm tỷ lệ vốn tín dụng trung dài hạn hộ sản xuất của Agribank chỉ xoay quanh mức 30-35%. Năm 2011 do biến động lớn trên thị trường tiền tệ, lãi suất huy động vốn tăng cao, việc huy động vốn trung dài hạn khó khăn, nên tỷ lệ tín dụng trung dài hạn giảm xuống còn dưới 31%.

Những con số trên cho thấy, trong xu hướng cạnh tranh chung, Agribank đã không ngừng thực hiện nhiều giải pháp mở rộng tín dụng an toàn, hiệu quả đối với hộ sản xuất. Quy mô cho vay bình quân một hộ sản xuất ngày càng được nâng lên, quy trình và thủ tục tín dụng đối với lực lượng khách hàng này không ngừng được hoàn thiện hơn, phù hợp với thực tế hơn, tỷ lệ nợ xấu được kiềm chế.



Tài liệu tham khảo:

1. Báo cáo nội bộ của Ban tài chính kế toán Agribank các năm 2009-2014;
2. Quyết định 493/2005/QĐ-NHNN ngày 22/4/2005 về phân loại nợ, trích lập và sử dụng dự phòng rủi ro của tổ chức tín dụng;
3. Thông tư số 02/2013/TT-NHNN của NHNN.